

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH Một thành viên B.

Địa chỉ: KCN T, giai đoạn A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Đ – Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn V – Chức vụ: Nhân viên ban pháp chế, địa chỉ: A T, Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền “Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 5 năm 2024” – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH P

Địa chỉ: E, đường số G, KDC P, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thùy T – Chức vụ Tổng giám đốc – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên B (sau đây gọi tắt là: Công ty B) có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn V trình bày: ngày 04/01/2021 Công ty B có ký kết hợp đồng kinh tế số 067/HDMB/2021 với Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt: Công ty P), mặt hàng mua bán: bê tông trộn sẵn với chủng loại, đơn giá như sau:

1. Bê tông trộn sẵn (Qui cách: Cường độ sau 28 ngày theo TCVN) M200, M250, độ sụt (cm):  $10 \pm 2$ , đơn vị tính  $m^3$ . M200 đơn giá là 1.160.000 đồng và M250 đơn giá là 1.200.000 đồng;

2. Phụ gia: chống thấm B6 = 70.000đ/ $m^3$ ; chống thấm B8 = 90.000đ/ $m^3$ ; 03 ngày đạt cường độ = 160.000đ/ $m^3$ ; 07 ngày đạt cường độ = 70.000đ/ $m^3$ ; 14 ngày đạt cường độ = 40.000đ/ $m^3$ ;

3. Bơm bê tông  $> 20m^3 = 90.000đ/m^3$ ;  $\leq 20m^3$  01 lần = 1.800.000đồng.

Địa điểm giao hàng: Pháy chữa cháy Công an quận C, phường P, thành phố Cần Thơ.

Giá trị thanh toán: thanh toán từng đợt theo khối lượng hàng được nhận;

Phương thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Sau khi ký kết hợp đồng hai bên bắt đầu thực hiện hợp đồng từ ngày 04/01/2021 đến ngày 08/02/2022 và Công ty B đã xuất hóa đơn VAT đầy đủ cho phía Công ty P. Ngày 31/12/2022 hai bên tiến hành ký biên bản đối chiếu công nợ số 106/ĐCCN/2022 với nội dung: Tính đến ngày 31/12/2022 Công ty P còn nợ Công ty B số tiền là 416.670.000 đồng (bằng chữ: bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Qua nhiều lần liên hệ trực tiếp không được nên ngày 30/4/2023 Công ty B có gửi giấy yêu cầu thanh toán công nợ số 107/CV.2023 với số tiền là 514.522.148 đồng (trong đó nợ tiền gốc là 416.670.000 đồng và tiền lãi quá hạn thanh toán là 97.882.148 đồng) nhưng vẫn không nhận được phản hồi và thanh toán từ phía Công ty P. Tính đến ngày 15/5/2024 Công ty P còn nợ Công ty Hamaco tiền vốn và lãi quá hạn là 578.052.656 đồng. Nay, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P, buộc Công ty P thanh toán cho H số tiền tính đến ngày khởi kiện 15/5/2024 là 578.052.656 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày thanh toán cho Công ty B, lãi suất tính theo hợp đồng hai bên đã thoả thuận và ký kết là 0,04%/ngày.

Bị đơn Công ty P có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thùy T: Quá trình tố tụng đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp tự khai, trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện của nguyên đơn, các văn bản nêu ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bản đối chiếu công nợ giữa hai bên và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tại Điều 6 hợp đồng số 067/HDMB/2021 hai bên thỏa thuận nếu không thương lượng được thì đưa ra Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ vào Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào hợp đồng tranh chấp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

[3] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết bị đơn không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện và ngày 31/12/2022 bị đơn đã xác nhận công nợ bằng Biên bản đối chiếu công nợ với nguyên đơn với số tiền 416.670.000 đồng nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[5] Về nội dung vụ án: Các bên có hợp đồng kinh tế về mua bán với nhau, nguyên đơn cho rằng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng với bị đơn nhưng bị đơn đến nay còn chưa thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 416.670.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp hợp đồng và các biên bản đối chiếu công nợ có công chứng, chứng thực;

các biên bản nghiệm thu, các hoá đơn giá trị gia tăng bản photo. Trong đó lần gần nhất hai bên có biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2022, tại biên bản xác nhận công nợ này bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 416.670.000 đồng; quá trình tố tụng bị đơn cũng đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã mở phiên họp sau đó thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, trong nội dung thông báo đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nhưng bị đơn không phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn còn nợ cho nguyên đơn là 416.670.000 đồng và lãi suất chậm trả cho nguyên đơn.

[6] Xét về nợ gốc: theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2022 giữa hai bên thì số nợ gốc xác nhận bị đơn còn chưa thanh toán là 416.670.000 đồng nên có cơ sở buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc này cho nguyên đơn.

[7] Đối với lãi suất chậm thanh toán:

[7.1] Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại nên khi giải quyết tranh chấp lãi suất chậm thanh toán được áp dụng theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Tuy nhiên, theo Điều 4 của hợp đồng số 067/HDMB/2021 giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất, cụ thể lãi suất quá hạn là 0.04%/ngày (tức tương đương 14.4%/năm; 1,2%/tháng), thỏa thuận này là tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên lấy mức lãi suất thỏa thuận để giải quyết và xét thấy yêu cầu lãi suất quá hạn do chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 28/6/2021 đến khi bị đơn thanh toán. Tuy nhiên, đến ngày 20/9/2024 đại diện của nguyên đơn ông **Huỳnh Văn V** có văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án, trong đó giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, thay đổi về yêu cầu nợ lãi. Cụ thể, chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày đối chiếu công nợ 31/12/2012 (tức tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2024) là 635 ngày với số tiền lãi là 105.834.180 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Đối với lãi suất do nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về tính lãi, yêu cầu thấp hơn so với khởi kiện ban đầu vào ngày 15/5/2024, số tiền nguyên đơn rút lại là 55.548.476 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi 55.548.476 đồng này.

[9] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu là 24.900.000 đồng (làm tròn).

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 217, 218, 219, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1, khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 317, Điều 319 của Luật thương mại 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên B đối với bị đơn Công ty TNHH P.

1.1. Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Một thành viên B số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 là 522.504.180<sup>d</sup> (năm trăm hai mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn một trăm tám mươi đồng), trong đó nợ gốc là 416.670.000<sup>d</sup> (bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), tiền lãi là 105.834.180<sup>d</sup> (một trăm linh năm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi đồng), tiếp tục tính lãi suất chậm thanh toán trên dư nợ gốc từ ngày 27/9/2024 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn, mức lãi suất 0,04%/ngày theo như thoả thuận tại Điều 4 của hợp đồng số 067/HDMB/2021, ngày 04/01/2024 mà Công ty TNHH Một thành viên B và Công ty TNHH P đã ký kết.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn với bị đơn số tiền 55.548.476<sup>d</sup> (năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH P phải chịu số tiền là 24.900.000<sup>d</sup> (hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên B được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 13.561.000<sup>d</sup> (mười ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004588 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Phong    Trương Ngọc Diệp**

**Nguyễn Minh Tâm**